TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM** Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST Ngày: 15-9-2017 V/v : "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đại**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Đậu Thị Luyện**.
Ông **Nguyễn Văn Nam**.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Chi**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1993.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Cùng trú quán: thôn Dương Tân, Trà Dương, Bắc Trà My, Quảng Nam.
Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

Bà L và ông H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nhiều lần đánh đập và xúc phạm bà L. Thực tế, vợ chồng bà L đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi. Do đó, bà L thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng bà L có 01 cháu con chung:

Họ và tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016.

Nguyện vọng của bà L xin được nuôi cháu D và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Về tài sản chung, nợ chung, cho mượn nợ: không có.

Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà L trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H đi làm ăn xa, ít có thời gian ở nhà. Vợ chồng cũng có cãi qua lại nhưng ông H xác định là không đánh đập vợ. Do đó, bà L đề nghị ly hôn ông H không đồng ý.

Về con chung, vợ chồng có một cháu con chung như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông H muốn được nuôi con chung, vì ông cho rằng thu nhập của ông khoảng hơn 7.000.000 đồng nên ông là người chăm sóc con tốt hơn, đảm bảo sự phát triển của con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho mượn nợ: không có.

Ngoài ra, ông H không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn H cùng có hộ khẩu thường trú tại thôn Dương Tân, xã Trà Dương, Bắc Trà My, Quảng Nam nên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án xin ly hôn giữa bà L và ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

+ Về trình tự giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My theo đúng thời hạn luật định. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tiếp theo như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho các đương sự; quyết định đưa vụ án ra xét xử .

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Dương. Nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Bà L cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn

là do ông H thường đánh đập bà L. Bà L xuất trình cho Tòa án giấy cam kết đề ngày 27/9/2015 do ông H viết có nội dung: "*Và tôi cũng có sự nóng tính xử sự không tốt đánh vợ hơi nhiều lần*". Trên thực tế vợ chồng bà L đã sống ly thân hơn một năm. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận có viết giấy cam kết này. Ông H không thừa nhận đánh đập bà L. Và ông H không thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng bà L đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà L và ông H ly hôn là đúng pháp luật.

+ Về nuôi con chung: Vợ chồng bà L, ông H có 01 cháu con chung tên là Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/6/2016. Hiện cháu D đang sống với bà L ở Tiên Kỳ, Tiên Phước, Quảng Nam. Cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giao cháu D cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội thì bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của bà L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 006946 ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn H ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016 cho bà Lê Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

2.2. Ông H phải đóng góp nuôi con chung với bà L mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2017. Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của bà L được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số theo biên lai thu số 006946 ngày 19 tháng 7 năm 2017.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2017) ông H, bà L có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Bắc Trà My;
- Chi cục thi hành án huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Trà Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đại